

41TC ≈ 32%

Nhập môn khi giao tiếp hệ I chủ ở phần

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Hệ III

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo:

KINH TẾ HỌC

HỆ CỬ NHÂN TÀI NĂNG

Mã số: 52.31.01.01

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 3/2019

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo:

KINH TẾ HỌC

HỆ CỬ NHÂN TÀI NĂNG

Mã số: 52.31.01.01

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 3/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số /QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế – Luật)

Tên chương trình: **KINH TẾ HỌC**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Kinh tế**
Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**
Mã ngành đào tạo: **07.31.01.01**
Trưởng Bộ môn: **PGS.TS. Nguyễn Hồng Nga**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đại học cử nhân tài năng ngành Kinh tế học là đào tạo các cử nhân kinh tế học có kiến thức chuyên môn sâu và rộng, có khả năng tư duy độc lập và nghiên cứu, có kỹ năng tốt và phương pháp hiện đại, trang bị chuẩn ngoại ngữ trình độ quốc tế, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn để có thể làm việc trong lĩnh vực kinh tế, các lĩnh vực chính trị, xã hội và nghiên cứu, giảng dạy kinh tế học trong điều kiện hội nhập, có điều kiện tiền đề để khởi nghiệp trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- i. Đào tạo đội ngũ những cử nhân kinh tế có kiến thức chuyên sâu, có phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề hiện đại và cập nhật trong lĩnh vực kinh tế học.
- ii. Cung cấp cho xã hội những cử nhân kinh tế có khả năng tổ chức, quản lý, thực thi các hoạt động kinh tế ở khu vực doanh nghiệp.
- iii. Đầu ra của chương trình là đội ngũ những nhà nghiên cứu, chuyên gia kinh tế có khả năng hoạch định, tham mưu, phản biện, tư vấn các vấn đề kinh tế cho doanh

ng nghiệp, cơ quan nhà nước các cấp, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ.

- iv. Tạo dựng những chuyên gia kinh tế có khả năng làm việc nhóm hiệu quả, tư duy và nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kinh tế học.
- v. Chuẩn bị cho đất nước những cử nhân kinh tế có sức khỏe tốt, kỹ năng ngoại ngữ chuẩn, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong xu thế hội nhập và khởi nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH

1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
1.1. Kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn
1.1.1 Hiểu kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội và nhân văn
1.1.2 Áp dụng các kiến thức tự nhiên, xã hội, nhân văn để giải thích và giải quyết các vấn đề thực tiễn
1.2. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế học
1.2.1 Tổng hợp kiến thức liên ngành kinh tế học, tài chính, kế toán, đối ngoại, quản trị, luật kinh tế, luật doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề kinh tế
1.2.2 Áp dụng kiến thức thống kê và định lượng trong việc nhận diện và lượng hóa các mối quan hệ kinh tế tầm vi và vĩ mô
1.3. Kiến thức chuyên ngành Kinh tế học
1.3.1 Áp dụng kiến thức kinh tế học vi mô trong giải quyết vấn đề của các chủ thể kinh tế và các cấu trúc thị trường
1.3.2 Áp dụng kiến thức kinh tế học vĩ mô để phân tích, đánh giá và đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô
1.3.3 Áp dụng kiến thức phân nhánh của kinh tế học trong việc lựa chọn phân bổ hiệu quả nguồn lực, quản lý khoa học và tối ưu hóa các quyết định quản lý.
2. KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN
2.1. Kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện và sáng tạo
2.1.1 Phân tích, đánh giá và bình luận các hoạt động kinh tế và chính sách của

chính phủ, thị trường và kết hợp hài hòa giữa bàn tay vô hình và hữu hình
2.1.2 Phân biện và đề xuất các chính sách và các quan điểm thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành kinh tế học và các ngành liên quan
2.1.3 Tư duy có hệ thống, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, triu tượng.
2.2. Kỹ năng hoạch định, tư vấn chính sách
2.2.1 Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư tư nhân và công
2.2.2 Tư vấn và đánh giá các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tầm doanh nghiệp, địa phương và trung ương
2.2.3 Tư vấn các vấn đề kinh tế, chính sách và giải pháp cho doanh nghiệp, địa phương và trung ương
2.3. Kỹ năng định lượng và dự báo
2.3.1. Thống kê mô tả hành vi của các chủ thể kinh tế.
2.3.2 Xác định mối tương quan giữa các đại lượng kinh tế.
2.3.3 Dự báo biến động và xu hướng nền kinh tế trong và ngoài nước.
2.3.4 Phân tích lợi ích- chi phí của các quyết định chính sách tư và công
3: KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM
3.1. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tạo lập mối quan hệ
3.1.1 Trình bày và thuyết trình vấn đề mạch lạc, logic và thuyết phục. Kỹ năng nói trước công chúng.
3.1.2 Ứng xử phù hợp với các chuẩn mực trong giao tiếp trong nước và quốc tế
3.1.3 Đặt và giải quyết vấn đề mạch lạc, súc tích và có hệ thống
Kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, ngôn ngữ cơ thể và ngôn ngữ viết
3.2. Kỹ năng làm việc nhóm
3.2.1 Tương tác, phản biện và bảo vệ ý kiến
3.2.2 Tổ chức, quản lý và điều hành nhóm sáng tạo, công tâm và hiệu quả
3.2.3 Quản lý thời gian một cách hiệu quả
3.3. Kỹ năng ngoại ngữ không chuyên
3.3.1 Nghe và nói tiếng Anh thành thạo
3.3.2 Đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh
4. PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
4.1. Thái độ và tư tưởng đúng đắn

4.1.1 Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
4.1.2 Tuân thủ pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế.
4.1.3 Có thái độ đúng đắn với các xung đột và tiêu cực trong xã hội
4.2. Thái độ đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng
4.2.1 Có ý thức kỷ luật chấp hành các quy định tại nơi công tác và cư trú
4.2.2. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp và tính thần trách nhiệm cao đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng.
4.2.3. Tinh thần làm việc nghiêm túc, đúng đắn và hợp với xu hướng phát triển của xã hội
4.3. Ý thức học tập suốt đời
4.3.1. Nhận thức được ý nghĩa của việc học tập suốt đời
4.3.2. Rèn luyện năng lực học tập, nghiên cứu hiệu quả và lâu dài
4.3.3 Hình thành thói quen đọc sách thường xuyên



G

C

LU

3. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA – MÔN HỌC

	Môn học	Số chỉ	Kiến thức			Kỹ năng			Kỹ năng mềm			Thái độ		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
HK1	Những NLCB của CN ML	5	X		X					X			X	X
	Toán cao cấp	5	X			X				X				X
	Kinh tế học vi mô 1	3	X			X	X			X			X	X
	Pháp luật đại cương	3	X									X	X	X
	Tiếng Anh thương mại 1	4									X			X
	Môn tự chọn	2							X	X		X		
HK2	Lý thuyết xác suất	2	X					X		X				X
	Luật doanh nghiệp	3		X						X		X	X	X
	Quản trị học căn bản	3	X			X				X			X	X
	Kinh tế học vĩ mô 1	3	X			X				X		X	X	X
	Nguyên lý kế toán	3	X			X						X		X
	Tiếng Anh thương mại 2	4									X			
	Môn tự chọn 1	2												
	Môn tự chọn 2	2												
HK3	Đường lối CM của ĐCSVN	3	X							X		X		X
	Marketing căn bản	3	X			X				X			X	X
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		X			X			X				X

	Thống kê ứng dụng	3		X				X		X				X
	Tiếng Anh thương mại 3	4								X				
	Lịch sử kinh tế VN và các nước	3				X				X		X		X
	Môn tự chọn 1 (Phương pháp NCKH)	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Môn tự chọn 2	2						X						
HK4	Tư tưởng HCM	2	X					X					X	X
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	X							X			X	X
	Kinh tế học quốc tế	2		X								X		X
	Kinh tế lượng	3		X				X						X
	Kinh tế NN&PTNT	3			X	X	X			X		X		X
	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3				X				X		X		X
	Tiếng Anh thương mại 4	4												
	Môn tự chọn 1	3		X						X			X	X
HK5	Dự báo kinh tế	3			X		X	X			X		X	X
	Kinh tế học vi mô 2	4	X		X	X			X		X	X		X
	Phương pháp định lượng trong nghiên	3		X				X		X			X	X



	cứu kinh tế													
	Kinh tế đối ngoại	3			X		X		X			X		X
	Kế hoạch hóa và chính sách kinh tế	3			X		X	X			X		X	X
	Ngoại ngữ chuyên ngành	4												
	Leader Ship	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
HK6	Kinh tế vĩ mô 2	4			X	X	X		X				X	X
	Kinh tế tài nguyên môi trường	3	X		X		X		X		X		X	X
	Kinh tế lao động	3			X				X			X		X
	Kinh tế công	4	X			X			X			X		X
	Ngoại ngữ chuyên ngành	4												
	Môn tự chọn 1	3							X				X	
HK7	Lập thẩm định dự án đầu tư	3			X	X			X			X	X	X
	Kinh tế phát triển	4			X		X	X			X		X	X
	Môn tự chọn 1	3							X				X	
HK8	Thực tập TN	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	KL TN	6	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Chuyên đề 1	3			X			X				X		X
	Chuyên đề 2	3			X				X		X			X

CĐR ngoại ngữ không được mô tả trong ma trận trên, CĐR ngoại ngữ theo qui định đào tạo chung của Trường

Ma trận chuẩn đầu ra các môn học tài năng – chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Môn học	T C		Kiến thức			Kỹ năng chuyên ngành			Kỹ năng mềm			Thái độ		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
Kinh tế NN & PTNT	3				4	4	4			4	4		4	4
Kinh tế vi mô 2	4				5	5	5			4	4		4	4
PP định lượng trong NC kinh tế	3				4	5	5	4		4	4			4
Leadership *	3				4				4	4				
Kinh tế vĩ mô 2	4				5	5	5			4	4		4	4
Kinh tế công	3				4	4	4			4	4			
Kinh tế phát triển	4				4	4	4			4	4		4	4
Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				4	4	4			4	4		4	4
Thực tập cuối khóa	4				5	5	5	4	5		4	4	4	5
Khóa luận tốt nghiệp	6				5	5	5	4			4	4	4	5

(Thang trình độ năng lực phân thành 6 mức theo Bloom, 1: biết, 2 : hiểu, 3: áp dụng, 4: phân tích, 5 tổng hợp, 6: đánh giá)

4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế học hệ CNTN có đủ năng lực, kiến thức làm việc tốt, sẽ có cơ hội và khả năng làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế:

Thứ nhất, Các cơ quan quản lý kinh tế Nhà nước ở trung ương và địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các tổ chức tài chính, tín dụng.

Thứ hai, Các trường Đại học, Viện nghiên cứu, các tổ chức tư vấn kinh tế.

Thứ ba, Tiếp tục học ở các bậc sau đại học (trong và ngoài nước) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế (Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Kinh tế & Quản lý công; Kinh tế Tài chính - Ngân hàng, ...).

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên Chương trình đào tạo CNTT ngành Kinh tế học gồm 2 nhóm nghề nghiệp chính:

- (1) Nhóm 1: Giảng viên và nghiên cứu viên. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm trợ giảng và tiến tới trong tương lai thành giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; chuyên viên nghiên cứu, tư vấn, phân tích hoạch định chính sách cho các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân trong nền kinh tế.
- (2) Nhóm 2: Chuyên gia cao cấp. Chuyên viên trong các lĩnh vực: phân tích chính sách, hoạch định chính sách, thẩm định dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, tư vấn quản trị chiến lược, nghiên cứu thị trường, tư vấn lao động, quản lý nhân sự.

5. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (không bao gồm phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN, hoặc các HPCĐ	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn		
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn	
									Yêu cầu trong CTĐT	Liệt kê để chọn
Đại học chính quy	4	130	46	74	27	47	4+6	101	29	58
		Tỷ lệ (%)	35%	58%			7%			

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

8.1 Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: học kỳ 4.
- Khối kiến thức ngành: học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8.

8.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

9. THANG ĐIỂM:

Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

10.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO (MÔN TÀI NĂNG CHIẾM 25%-35% TỔNG TÍN CHỈ TÍCH LŨY)
1.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 46 tín chỉ						
1.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (10 TC)						
Các môn học bắt buộc (10 TC)			10	10		
1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5		
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
1.1.2. Khoa học xã hội: 7 tín chỉ						
Các môn học bắt buộc (3TC)			3	3		
1	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3		
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học	2	Chọn 1 trong 2 môn		
2	GEN1105	Văn hóa học	2			
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	Chọn 1 trong 2 môn		
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2			

1.1.3. Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ

1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	Chọn 2 trong 4 môn		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2			
3	ECO1033	Nhập môn ngành Kinh tế học	2			
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2			

1.1.4. Khoa học pháp lý: 3 tín chỉ

Các môn học bắt buộc: 3 TC			3	3		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		

1.1.5. Toán và Khoa học tự nhiên (10 tín chỉ)

Các môn học bắt buộc: 7 TC			7	7		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
Các môn học tự chọn: 3TC			3	3		
1	GEN1107	Logic học	3	Chọn 1 trong 2 môn		
2	MIS1004	Tin học ứng dụng	3		1	
3	GEN1108	Phương pháp NCKH	3	Bắt buộc SV TN		Môn tài năng

1.1.6. Khoa học kinh tế: 12 tín chỉ

Các môn học bắt buộc (12 TC)			12	12		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		

	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
2	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
1.1.7. Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ						
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	
1.1.8. Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ						
1.1.9. Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 5 tín chỉ)						
1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 Tín chỉ						
1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành (36 tín chỉ)						
Các môn học bắt buộc: 30 TC			30	27	3	
1	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1	
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	2	1	
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại (3TC)	3	3		
4	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3		
5	ECO1010	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	3		Môn tài năng
6	ECO1007	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3		

7	BUS 1200	Marketing căn bản	3	2	1	
8	FIN1201	Lý thuyết tài chính - tiền tệ (Ng/lý thị trường tài chính)	3	3		
9	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		
10	ECO1016	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu kinh tế	3	2	1	Môn tài năng
Các môn học tự chọn (6TC)			6			
11	FIN1103	Tài chính công	3	2	1	
12	ECON1037	Tín dụng – Ngân hàng	3	3	0	
13	ECO1017	Phân tích lợi ích – chi phí	3	2	1	
14	ECO1019	Quan hệ công chúng	3	3	0	
1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 38 tín chỉ						
Các môn học bắt buộc (32TC)			32	30	2	
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	3	1	Môn tài năng
2	ECO1015	Kế hoạch hóa và chính sách kinh tế	3	3	0	
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	
4	COM1001	Kinh tế học quốc tế (2TC)	2	2		
5	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	3	1	Môn tài năng
6	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	3	1	Môn tài năng
7	ECO1008	Kinh tế công	4	4	0	Môn tài năng
8	ECO1009	Kinh tế tài nguyên	3	3	0	

		môi trường				
9	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3	0	
10	ECO1005	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2	1	Môn tài năng
Các môn học tự chọn (6TC)			6			
1.	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	Chọn 1 trong 4 môn		
2.	ECO1036	Chiến lược kinh doanh	3			
3.	ECO1018	Kinh tế học các vấn đề xã hội	3			
4.	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp	3			
5.	GEN1109	Leader ship	3	Bắt buộc SV TN		Môn tài năng
1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên môn: 10 tín chỉ						
Môn bắt buộc: 4 TC			4		4	
1	BC 01	Thực tập cuối khóa	4		4	Môn học tài năng
Môn tự chọn: 6 TC			6	6		
1	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		Môn học tài năng
2	CD10	Chuyên đề kinh tế học 1	3	3		
3	CD11	Chuyên đề kinh tế học 2	3	3		

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
- Sinh viên hệ đại trà chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học phần chuyên môn (6 tín chỉ). Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng, đối với sinh viên hệ cử nhân tài năng làm Khoá luận tốt nghiệp.

- KHỎI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

10.2 Danh mục các môn học tài năng:

STT	MÃ MÔN HỌC	Tên môn học	Số tín chỉ	Phần mở rộng			
				Đồ án/Đề tài (Đánh dấu X vào một trong hai hình thức sau)		Lý thuyết bổ sung	Thí nghiệm/Thực hành bổ sung
				Lớp riêng	Không có lớp riêng		
1.	GEN1108	Phương pháp NCKH	3	X			
2.	GEN1109	Leader Ship	3	X			
3.	BC 01	Thực tập tốt nghiệp	4		X		
4.	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp	6		X		
5.	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4		X	X	
6	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4		X	X	
7	ECO1010	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3		X	X	
8	ECO1008	Kinh tế công	4		X	X	
9	ECO1014	Kinh tế phát triển	4		X	X	
10	ECO1005	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3		X	X	
11	ECO1016	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu kinh tế	3		X	X	
		Tổng số tín chỉ	41				

Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTN ngành KTH như sau:

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên CNTN là TOEIC 550 so với sinh viên thường là 500.
- Kỹ năng đọc, hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh tốt. Số sinh viên CNTN viết luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh và trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh: 25 %
- Kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy phản biện chính sách trong và ngoài nước
- Kỹ năng tư duy triu tượng, biết đặt và giải quyết vấn đề ngắn và dài hạn
- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản.
- Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTN phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

Điểm khác biệt về tổ chức giảng dạy- NCKH sinh viên lớp CNTN ngành Kinh tế học:

- Sinh viên lớp CNTN ngành Kinh tế học sẽ học các môn tài năng (Phần đại trà với sinh viên lớp CLC) và các môn này được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh hoặc Song ngữ.
- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên: sinh viên CNTN từ cuối năm thứ 2, nếu có nguyện vọng, có thể được tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTN phải tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học trong năm thứ 3.

10.3 Kiến thức ngành thứ hai: 12 tín chỉ

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục chính nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học

tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			

3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

➤ Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

➤ Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC 1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC 1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC 1034	

➤ **Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC 1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC 1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC 1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC 1034	

➤ **Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		

4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
Nhóm 2							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

➤ **Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)** (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ	3	3			

		thống ERP					
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

➤ **Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

➤ **Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

➤ Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001

							LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207
--	--	--	--	--	--	--	--

11.KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã MH		MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ I – 18 TC							
Môn học bắt buộc			16	16			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
Môn học tự chọn			2	2			
5	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2			
6	ECO1033	Nhập môn Ngành Kinh tế học	2	2			
7	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2			
8	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			
HỌC KỲ II – 18 TC							
Môn học bắt buộc			14	14			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1		
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001
Môn học tự chọn			4	4			
5	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2			

6	GEN1104	Quan hệ quốc tế	chọn 1	2	2			
6	GEN1105	Văn hóa học	2 môn	2	2			
7	GEN1106	Xã hội học	chọn 1	2	2			
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		2	2			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				
HỌC KỲ III (NĂM 2): 20 TC								
Môn học bắt buộc				15	15			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3			
2	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước		3	3			
3	BUS 1200	Marketing căn bản		3	2	1		
4	FIN1201	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			ECO1001EC O1002
5	MAT1003	Thống kê ứng dụng		3	2	1		MAT1001 MAT1002
Môn học tự chọn				5				
6	MIS1004	Tin học ứng dụng	3 môn chọn 1	3	2	1		
7	GEN1107	Logic học		3	3			
8	GEN 1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học						Môn tài năng
9	BUS 1303	Kỹ năng làm việc nhóm	Chọn 1 môn	2	2			
HỌC KỲ IV : 18 TC								
Môn học bắt buộc				15	13	2		
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2			
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh		2	1	1		
4	MAT1004	Kinh tế lượng:		3	2	1		MA T10

							01 MA T10 02 MA T10 03	
5	ECO1007	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3	0			
6	ECO1010	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	3	0			
Môn học tự chọn chuyên sâu: chọn 3/6 TC			3					
7	FIN1103	Tài chính công	3	2	1			
8		Tín dụng – Ngân hàng	3	3	0			
HỌC KỲ V : 19 TC								
Môn học bắt buộc			16	15	1			
1	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3				
2	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3				
3	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	3	1			
4	ECO1015	Kế hoạch hóa và chính sách kinh tế	3	3	0			
5	ECO1016	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu kinh tế	3	2	1		MA T10 03, MA T10 04	Môn tài năng
Môn học tự chọn chuyên sâu chọn 3/6 TC			3					
6	ECO1017	Phân tích lợi ích – chi phí	3	2	1			
7	ECO1019	Quan hệ công chúng	3	3				
8	ECO1019	Leadership	3	3	0			Tự chọn bắt buộc
HỌC KỲ VI: 15 TC								

Môn học bắt buộc			12	10	2			
1	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	3	1			
2	ECO1008	Kinh tế công	4	4	0			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	3	1			
Môn học tự chọn chuyên sâu chọn 3/6 TC			3					
4	COM 1005	Kinh doanh quốc tế	3	3	0			
5		Chiến lược kinh doanh	3	3	0			
HỌC KỲ VII : 12 TC								
Môn học bắt buộc (13 TC)			9	8	1			
1	ECO1009	Kinh tế tài nguyên môi trường	3	3	0			
2	ECO1005	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2	1			
3	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3				
Môn học tự chọn (3TC)								
4	ECO1018	Kinh tế học các vấn đề xã hội	3	3				
5	FIN1002	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1			
HỌC KỲ VIII : 10 TC								
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4			
2		Thực tập + Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	6		6			

12). MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

1. Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: nắm vững những kiến thức toán phổ thông căn bản.

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

2. Môn học: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức cơ bản về xã hội

Nội dung môn học:

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước.

3. Môn học: QUAN HỆ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

4. Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học:

Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô.

Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

5. Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

6. Môn học: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Thời lượng: 5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên phải được trang bị kiến thức chung về khoa học xã hội.

Nội dung môn học:

Theo chương trình được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo

7. Môn học: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải được trang bị kiến thức chung về khoa học xã hội.

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, những nội dung cơ bản của các học thuyết kinh tế và các trường phái kinh tế chủ yếu ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Những học thuyết được tiếp cận sẽ giúp sinh viên vận dụng trong phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế cũng như vận dụng vào phát triển kinh tế Việt Nam. Đồng thời còn tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các môn học Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển thuận lợi hơn.

8. Môn học : LỊCH SỬ KINH TẾ VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức chung về khoa học xã hội, kinh tế

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về những giai đoạn phát triển kinh tế, chính sách áp dụng trong từng giai đoạn của một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Liên Xô cũ; một số đặc điểm phổ biến của các quốc gia đang phát triển trong đó có khu vực Đông Nam Á và Việt Nam. Môn học đi sâu phân tích các giai đoạn phát triển kinh tế của Việt Nam từ lập quốc đến nay.

9. Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam... Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

10. Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong các môn Toán cao cấp

Nội dung môn học:

Kết thúc môn học, sinh viên nắm được các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

11. Môn học: KINH TẾ VI MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức toán cơ bản

Nội dung môn học

Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng

Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế

12. Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức toán cơ bản

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ.

Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

13. Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức cơ bản về Tin học

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

14. Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học:

Kết thúc môn học, sinh viên hiểu được chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

15. Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức những môn học Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học:

Cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

16. Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 5 tín chỉ

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

17. Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 8 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

18. Môn học: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có hiểu biết về những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác Lê nin

Nội dung môn học:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

19. Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức về các môn học sau: Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất.

Nội dung môn học:

Định hướng của môn học nhằm trình bày một cách cơ bản cho sinh viên những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng của kinh tế lượng, công cụ hỗ trợ của những quyết định và dự báo cho doanh nghiệp hoặc quốc gia trong tương lai.

20. Môn học: KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô.

Nội dung môn học:

Cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh

vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của VN.

21. Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng.

Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

22. Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong môn Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin

Nội dung môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

23. Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong môn Pháp luật đại cương

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế. .

24. Môn học: KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có các kiến thức kinh tế cơ bản: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế quốc tế

Nội dung môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về những vấn đề của quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại và quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.

25. Môn học: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Hiểu được đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương, bản chất của hiện tượng tâm lý, các khái niệm cơ bản của tâm lý học đại cương. lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý người. Hiểu biết quá trình nhận thức, xúc cảm, tình cảm và ý chí, nắm được bản chất của nhân cách và các thuộc tính của nhân cách. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản cho SV là kiến thức cần trang bị trước khi học các môn như tâm lý phát triển, tâm lý học xã hội...

26. Môn học: NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm vững:

- Những khái niệm cơ bản về lý thuyết truyền thông và giao tiếp.
- Vai trò và ý nghĩa của truyền thông giao tiếp trong đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.
- Các kỹ năng trong quá trình truyền thông và giao tiếp để có thể hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng trong các hoạt động xã hội.

27. Môn học: VĂN HÓA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức cơ bản về xã hội

Nội dung môn học:

Môn học văn hóa học là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, thông qua môn học, người học có thể nắm được các nội dung: (1) điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; (2) cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam; (3) đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; (4) Văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa; (5) các vùng văn hóa Việt Nam

28. Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức Kinh tế học đại cương, Kinh tế - chính trị

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu đặc thù của xã hội học. Nắm được mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, chính trị, văn hóa,... ; Có khả năng phát hiện ra vấn đề xã hội/ phương diện xã hội nảy sinh từ hoạt động, hành vi kinh tế và biết cách tiến hành một cuộc khảo sát thực địa những vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của xã hội học.

29. Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, lý thuyết tài chính- tiền tệ

Nội dung môn học:

Môn học nguyên lý thị trường tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, nguyên lý vận hành và các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Sinh viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

30. Môn học: TIN HỌC ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Nội dung môn học: Có kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính dựa trên các nội dung học từ Windows, winword, excel, đến khả năng sử dụng internet. Hiểu rõ cách thức hoạt động của máy tính, nắm rõ quy trình làm việc và sử dụng máy đúng cách. Biết ứng dụng kiến thức đã

học một cách tổng hợp để giải quyết các bài tập. Sử dụng tin học trong việc học tập và chuyên ngành.

31. Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Nắm được các khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò của cá nhân trong nhóm, thấy được sự cần thiết của làm việc nhóm. Hiểu bản chất của hình thức làm việc theo nhóm, cơ cấu tổ chức nhóm. Tầm quan trọng sự khác biệt trong việc tạo thành công của nhóm, nguyên tắc điều chỉnh hoạt động giao tiếp nhóm, các mâu thuẫn thường phát sinh trong nhóm và tăng cường động lực làm việc cho các thành viên.

32. Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và tin học ứng dụng.

Nội dung môn học: Nắm vững các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin kinh doanh gắn liền với việc tạo ưu thế cạnh tranh cho doanh nghiệp nói chung và hoạt động kinh doanh qua mạng Internet nói riêng. Hiểu rõ sự gắn kết của hệ thống thông tin và tác động của chúng đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Nắm vững những yêu cầu đặt ra với các doanh nghiệp khi đầu tư vào công nghệ thông tin nhằm tạo ra và duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh tế mới.

33. Môn học: KINH TẾ CÔNG 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học sau các môn Kinh tế chính trị, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Kinh tế lượng.

Nội dung:

Môn học nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Khu vực công, đồng thời cả những phương pháp và nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế.

Bên cạnh đó môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan để phân biệt về các loại hàng hóa công trong thực tế bao gồm hàng hóa công thuần túy, không thuần túy... làm cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước ở các thị trường này.

Ngoài ra môn học còn phân tích các vấn đề lựa chọn công, đánh giá các chương trình chi tiêu công cộng của chính phủ..

34. Môn học: KẾ HOẠCH HÓA VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Trước khi học môn này sinh viên phải được trang bị những kiến thức cơ bản của các môn học sau: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển.

Nội dung:

Đây là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và bắt buộc đối với ngành Kinh tế học, Kinh tế và quản lý công.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường về yêu cầu, vị trí, bản chất và hệ thống kế hoạch hóa phát triển như chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, chương trình, dự án phát triển, từ đó giúp cho người học phân biệt với kế hoạch hóa trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Đồng thời môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường như kế hoạch hóa tăng trưởng kinh tế và các yếu tố nguồn lực tăng trưởng kinh tế như vốn, lao động dựa trên những ứng dụng lý thuyết của mô hình Harrod-Domar, mô hình Input- Output...

Thông qua môn học sinh viên có thể tự phân tích, đánh giá và lập kế hoạch phát triển cho một ngành, địa phương, quốc gia. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên hiểu được, vận dụng trong việc lựa chọn và phối hợp các chính sách trong phát triển kinh tế- xã hội.

35. Môn học: PHÂN TÍCH LỢI ÍCH CHI PHÍ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Lập và thẩm định dự án đầu tư, Kinh tế Tài nguyên & môi trường.

Nội dung môn học:

Môn học phân tích lợi ích và chi phí cung cấp cho sinh viên khung phân tích cũng như các vấn đề liên quan đến chi phí và lợi ích của một dự án đầu tư. Các quan điểm và phương

pháp, tiêu chí và công cụ để tiến hành phân tích lợi ích, chi phí đối với một dự án đầu tư. Trên cơ sở các đó, giúp sinh viên áp dụng lý thuyết để tính toán, phân tích từ đó đưa ra quyết định trong các dự án khi phân tích về lợi ích và chi phí. Ngoài ra, môn học sẽ giúp sinh viên có được phương pháp và cách thức viết báo cáo phân tích lợi ích – chi phí của một dự án.

36. Môn học: DỰ BÁO KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong: Kinh tế lượng và Các môn học cơ sở thuộc chuyên ngành kinh tế.

Nội dung

Cung cấp cho sinh viên các quan điểm hiện đại về phương pháp phân tích thống kê dự báo được áp dụng trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, phân tích tình hình hoạt động doanh nghiệp, quan hệ giữa Kế toán tài chính và Kế toán quản trị. Môn học còn trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và các chương trình phần mềm về xử lý số liệu thu thập sơ cấp và thứ cấp và ứng dụng để phân tích, dự báo trong nghiên cứu chuyên ngành.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu, ứng dụng phương pháp nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Giúp cho sinh viên hiểu được phương pháp thu thập số liệu và xử lý số liệu bằng các phần mềm vi tính. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

37. Môn học: KINH TẾ VI MÔ 2

Thời lượng: 4 tín chỉ

Sinh viên học xong môn toán cao cấp, kinh tế lượng và môn kinh tế học vi mô 1

Mục tiêu chính của môn học là sau khi học xong, sinh viên có thể ứng dụng các khái niệm, nguyên lý và công cụ của kinh tế học vi mô trong việc: (i) Hiểu được bản chất nhiều vấn đề kinh tế được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng; (ii) Thực hiện một số phân tích về thị trường và các thất bại của thị trường, can thiệp của nhà nước và các thất bại của

nhà nước; (iii) Hiểu thấu đáo kiến thức về kinh tế học phúc lợi ứng dụng. Môn học cũng sẽ rèn luyện tính tư duy độc lập thông qua bài tập cá nhân và thảo luận trên lớp

38. Môn học: LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn toán cao cấp C1, C2, kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1.

Nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề sau:

- Những nội dung và phương pháp lập một dự án đầu tư
- Nội dung, phương pháp và cách thức thẩm định dự án đầu tư.

Khi ra trường sinh viên có thể lập được các dự án đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư; quản lý các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp hoặc các sở, ban ngành; có thể công tác tại sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố, hoặc có thể tự lập các dự án đầu tư cho doanh nghiệp hay cho bản thân.

39. Môn học: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức nền tảng về Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho sinh viên khối ngành kinh tế và chuyên ngành kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn những kiến thức chuyên sâu về kinh tế nông nghiệp. Sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức về các lý thuyết kinh tế học ứng dụng vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phương pháp phân tích kinh tế và bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn

40. Môn học: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải học xong môn Quản trị học đại cương và Marketing căn bản.

Nội dung:

Môn học nghiên cứu các nguyên lý quan hệ công chúng trong kinh doanh. Môn học tập trung vào tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật được dùng để đạt được và duy trì hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong công chúng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; các phân tích về quan điểm và thái độ của công chúng; các chính sách quan hệ công chúng; áp dụng các lý thuyết về quan hệ công chúng vào các tình huống thực tế.

41. Môn học: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải tích lũy được các môn học toán cao cấp, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Nội dung môn học bao gồm 12 chương, thể hiện trong bốn phần:

Phần thứ nhất, những vấn đề chung về phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ hai, phân tích các nguồn lực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ ba, các chính sách & lĩnh vực phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ tư, vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Thông qua môn học, sinh viên được cung cấp cơ sở lý thuyết để thấy được các vấn đề cơ bản đối với các nước đang phát triển trong quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế từ đó áp dụng vào trong thực tiễn nhằm tìm kiếm con đường phát triển thích hợp hơn.

42. Môn học: KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học: Người học được trang bị các kiến thức căn bản về Kinh tế học tài nguyên và môi trường. Người học được trang bị các kiến thức về kinh tế để tiếp cận và giải quyết các vấn đề về môi trường. Theo cách này, người học sẽ biết cách can thiệp như thế nào vào hệ thống kinh tế để giải quyết vấn đề môi trường một cách hiệu quả. Bằng việc cung cấp cho người học một trình tự logic: tìm hiểu về hệ thống kinh tế, hệ thống môi trường, nguyên nhân gây suy thoái môi trường và làm thế nào để đánh giá được các giá trị

tài nguyên môi trường vốn không có giá trị trên thị trường và từ đó người học được trang bị các kiến thức về kinh tế, các công cụ kinh tế nhằm hạn chế sự suy thoái môi trường.

43. Môn học: KINH TẾ LAO ĐỘNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong các môn Kinh tế chính trị, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng

Nội dung môn học:

Nghiên cứu về các phương pháp và hình thức sử dụng các qui luật kinh tế của xã hội trong lĩnh vực nâng cao hiệu quả, tổ chức và điều kiện lao động, khuyến khích vật chất và tinh thần, tái sản xuất sức lao động của nó.

44. Môn học: TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: quản trị học căn bản.

Nội dung môn học:

Môn học tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong quản lý, điều hành. Thông qua môn học, sinh viên xác định được các mô hình lãnh đạo, trên cơ sở nhận thức này để tự nhận thức về phong cách lãnh đạo của bản thân. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng lãnh đạo: hình thành tầm nhìn, truyền đạt, giải quyết xung đột, tương tác qua lại giữa các cá nhân.

13. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

13.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
1	Nguyễn Thị Vân Anh, 1985	Thạc sĩ, 2012		2	0
2	Nguyễn Tiến Dũng, 1961	Tiến sĩ, 1994	Phó Giáo sư, 2012	15	3
3	Phạm Mỹ	Thạc sĩ, 2007		6	1

	Duyên, 1980				
4	Nguyễn Chí Hải, 1962	Tiến sĩ, 1999	Phó Giáo sư, 2012	16	0
5	Huỳnh Hồng Hiếu, 1985	Thạc sĩ, 2009		3	0
6	Nguyễn Thị Thu Hương, 1980	Thạc sĩ, 2010		1	0
7	Nguyễn Thanh Huyền, 1982	Thạc sĩ, 2011		3	1
8	Nguyễn Văn Luân, 1951	Tiến sĩ, 1989	Phó Giáo sư, 2002	14	0
9	Trần Thị Lộc, 1988	Thạc sĩ, 2014		2	0
10	Hà Thanh Minh, 1962	Thạc sĩ,		2	0
11	Lê Nhân Mỹ, 1987	Thạc sĩ, 2014		3	0
12	Huỳnh Thị Ly Na, 1987	Thạc sĩ, 2014		2	0
13	Nguyễn Hồng Nga, 1968	Tiến sĩ, 2000	Phó Giáo sư, 2013	15	1
14	Trần Thị Minh Ngọc, 1980	Thạc sĩ, 2007		2	0
15	Phạm Thị Hạ Nguyên, 1962	Thạc sĩ, 1994		1	0
16	Đỗ Phú Trần Tinh, 1979	Tiến sĩ, 2010	Phó Giáo sư, 2014	17	3
17	Nguyễn Thị Thu Trang, 1983	Thạc sĩ, 2011		3	0
18	Nguyễn Thanh Trọng, 1980	Tiến sĩ, 2016		8	0
19	Hoàng Minh Tuấn, 1960	Tiến sĩ, 1995		0	0
20	Nguyễn Anh Tuấn, 1984	Thạc sĩ, 2012		4	0
21	Trần Lục Thanh Tuyền, 1985	Thạc sĩ, 2011		3	0
22	Mai Lê Thúy Vân, 1982	Thạc sĩ, 2012		2	0
23	Trần Quang Văn, 1978	Tiến sĩ, 2013		1	3

24	Đinh Hoàng Tường Vi, 1984	Thạc sĩ, 2012		2	0
25	Dương Thị Việt, 1962	Thạc sĩ, 1994		1	0

13.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Nguyễn Tấn Phát, 1977, Phó ban tổ chức cán bộ	Phó giáo sư, 2014	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Kinh tế chính trị	Lịch sử học thuyết kinh tế; Chính sách công	Đại học Quốc gia TP HCM
2	Bạch Thị Nhã Nam, 1988, giảng viên		Thạc sĩ, 2013	Luật	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Đại học Kinh tế - Luật
3	Lê Kim Vũ, 1986, giảng viên		Thạc sĩ, 2015	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Đại học Kinh tế - Luật
4	Nguyễn Thị Phương Thảo, 1989, giảng viên		Thạc sĩ, 2015	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp	Đại học Kinh tế - Luật
5	La Xuân Đào, 1959, giảng viên		Tiến sĩ, 2013	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	Đại học Kinh tế - Luật
6	Huỳnh Thanh Tú, 1963, phó trưởng khoa QTKD		Tiến sĩ, 2006	Kinh tế	Quản trị học căn bản	Đại học Kinh tế - Luật
7	Lê Anh Vũ, 1958, Trưởng bộ môn Toán Kinh tế	Phó giáo sư, 2006	Tiến sĩ, 1990	Hình học - Tô pô	Lý thuyết xác suất	Đại học Kinh tế - Luật
8	Nguyễn Minh Thoại, 1988, giảng viên		Thạc sĩ, 2013	Quản trị kinh doanh	Marketing căn bản	Đại học Kinh tế - Luật



9	Trần Hùng Sơn, 1981, giảng viên		Tiến sĩ, 2013	Tài chính ngân hàng	Nguyên lý thị trường tài chính	Đại học Kinh tế - Luật
10	Huỳnh Văn Sáu, 1953, giảng viên	Giảng viên chính, 2000	Tiến sĩ, 2008	Kinh tế, quản lý và KHH QTKD	Thống kê ứng dụng	Đại học Kinh tế - Luật
11	Trần Văn Đức, 1972, giảng viên		Tiến sĩ, 2000	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Kinh tế học quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật Đại học Kinh tế - Luật
12	Phạm Hoàng Uyên, 1974, Giảng viên		Tiến sĩ, 2014	Thống kê	Thống kê kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật
13	Lê Hồng Nhật, 1959, giảng viên		Tiến sĩ, 2000	Kinh tế học	Kinh tế lượng	Đại học Kinh tế - Luật
14	Trần Trọng Khuê	Tiến sĩ Khoa học, 2000	Tiến sĩ, 1990	Toán	Dự báo kinh tế	Đại học Bình Dương
15	Đào Thị Ngọc, 1987, giảng viên		Thạc sĩ, 2013	Chính sách công	Kinh tế đối ngoại	Đại học Kinh tế - Luật
16	Hoàng Thọ Phú, 1971,		Thạc sĩ, 1996	Quản trị kinh doanh	Marketing địa phương	Đại học Kinh tế - Luật
17	Nguyễn Thị Tuyết Như, 1963		Tiến sĩ, 2009	Kinh tế học	Kinh doanh bất động sản	Đại học Tin học – ngoại ngữ
18	Lê Tuyết Ánh		GVC, Thạc sĩ		Tâm lý học; Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
19	Đào Minh Hồng		Tiến sĩ		Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
20	Chu Duy Ly		Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV

AN
ỜN
H
Ế-I
★

21	Trần Nam Tiến	Phó giáo sư	Tiến sĩ		Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
22	Phạm Đình Nghiệm	Phó giáo sư	Tiến sĩ		Logic học; Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Sài Gòn
23	Nguyễn Anh Thường		Tiến sĩ			ĐH Khoa học XH & NV
24	Nguyễn Ngọc Thơ		Tiến sĩ		Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
25	Lê Thị Ngọc Diệp		Tiến sĩ			ĐH Khoa học XH & NV
26	Phạm Khánh Bằng		GVC, Thạc sĩ		Đường lối CM ĐCSVN; Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II
27	Đinh Thị Điều		GVC, Thạc sĩ			Học viện hành chính khu vực II
28	Nguyễn Thị Hoa Phượng		GVC, Thạc sĩ			Học viện hành chính khu vực II

13.3 Danh sách giảng dạy theo môn học

STT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Môn học giảng dạy
1	Nguyễn Chí Hải	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế đô thị, vùng và miền / Kinh tế phát triển
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế vi mô
3	Trần Thị Lộc	Thạc sĩ	Kinh tế công 1
4	Phạm Mỹ Duyên	Thạc sĩ	Kế hoạch hoá và chính sách phát triển kinh tế
5	Nguyễn Hồng Nga	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế vi mô 1 và 2

6	Trần Quang Văn	Tiến sĩ	Kinh tế vi mô
7	Đỗ Phú Trần Tình	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Lập và thẩm định dự án đầu tư, Kinh tế vĩ mô
8	Nguyễn Thanh Trọng	Tiến sĩ	Kinh tế vĩ mô 1 và 2
9	Nguyễn Thanh Huyền	Thạc sĩ	Kinh tế lao động
10	Đinh Hoàng Tường Vi	Thạc sĩ	Chính sách công
11	Huỳnh Ngọc Chương	Thạc sĩ	Phương pháp nghiên cứu khoa học
12	Mai Lê Thuý Vân	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn
13	Trần Lục Thanh Tuyền	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô
14	Huỳnh Thị Ly Na	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô
15	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô
16	Lê Nhân Mỹ	Thạc sĩ	Lịch sử các học thuyết kinh tế
17	Phùng Thế Tám	TS	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin
18	Hà Thanh Minh	Thạc sĩ	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin
19	Hoàng Minh Tuấn	Tiến sĩ	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin
20	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Kinh tế công 2
21	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Quản lý công , Chính sách công
22	Trần Thị Minh Ngọc	TS	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
23	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên và môi trường
24	Huỳnh Hồng Hiếu	Thạc sĩ	Quản lý công

13.3 Danh sách cố vấn học tập

STT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	vị trí công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng Nga	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế học	Trưởng BM KTH	

2	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Kinh tế học	Giảng viên	
3	Lê Nhân Mỹ	Thạc sĩ	Kinh tế học	Giảng viên	
4	Trần Minh Ngọc	Thạc sĩ	Kinh tế học	Giảng viên	

14 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

14.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Trung tâm mô phỏng thị trường tài chính	200	Bàn Ghế Bảng Led điện tử Máy chiếu Màn chiếu Máy tính Phần mềm dữ liệu tài chính		
2	Phòng Thực hành kinh doanh thông minh	100	Bàn Ghế Bục giảng Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Phần mềm nhân sự Bút lông		
3	Phòng thực hành luật	100	Bàn Ghế Bục xử Micro		
4	Phòng thực hành ngoại ngữ	200	Bàn Ghế Bục giảng Bảng mica Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Phần mềm ngoại ngữ Bút lông		

5	Phòng thực hành tin học	200	Bàn Ghế Bục giảng Bảng mica Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Bút lông		
---	-------------------------	-----	---	--	--

14.2 Thư viện

Hệ thống thư viện phục vụ cho hoạt động đào tạo:

- Tổng diện tích thư viện: 940 m² trong đó diện tích phòng đọc: 466 m²
- Số chỗ ngồi: 550; số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 20
- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph
- Thư viện điện tử: bao gồm

(1) Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với:

04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam);

14 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, IEEE, MathSciNet, ScienceDirect, Springer, Taylor & Francis Online, OARE, AGORA, JL, MIT OCW, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, Wiley Online Library);

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

(2) Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: có thư viện điện tử, đã kết nối được với:

01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD);

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.

14.3 Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm
-----	-------------	-------------------------	-------------	--------------	-----

		giảng			xuất bản
1.	Toán cao cấp C1	Toán cao cấp C1	Nguyễn Thành Long	ĐHQG-HCM	2004
2.	Toán cao cấp C2	Toán cao cấp C2	Nguyễn Đình Như	ĐHQG-HCM	2005
3.	Pháp luật đại cương	Giáo trình Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	Đại học Kinh tế Quốc dân	2006
4.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Tiến Dũng,	Thế giới	2004
5.	Lý thuyết xác suất và thống kê	Giáo trình Xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	ĐHQG-HCM	2003
6.	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	Văn hóa - Thông tin	2005
7.	Kinh tế vi mô 2	Kinh tế vi mô nâng cao	Nguyễn Hồng Nga	NXB ĐHQG	2013
8.	Lý thuyết thống kê	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Hà Văn Sơn	Thống kê	2004
9.	Quản trị học căn bản	Quản trị học	Hà Nam Khánh Giao	LĐ-XH	2005
10.	Kế toán đại cương	Kế toán đại cương: Nguyên lý kế toán	Phạm Gặp	Thống kê	2005
11.	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu	Thống kê	2005
12.	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	Thống kê	2004
13.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lê Văn Tề, Nguyễn Văn Hà	Tài chính	2005

14.	Kinh tế lượng	Bài giảng Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	Thống kê	2007
15.	Phương pháp nghiên cứu KH	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cành	ĐHQG-HCM	2007
16.	Luật-kinh tế	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003
17.	Kinh tế phát triển	Giáo trình kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài	ĐH Kinh tế	2008
18.	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Diễm Châu chủ biên;	Thống kê	2003
19.	Luật hợp đồng thương mại QT	Giáo trình Luật Hợp đồng thương mại quốc tế	Nguyễn Văn Luyện	ĐHQG-HCM	2006
20.	Logistics	Logistics những vấn đề cơ bản	GS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2007
21.	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Ths. Trần Huỳnh Thúy Phượng	NXB Thống kê	2009
22.	Thẩm định và Quản trị DADT	Quản lý dự án	Cao Hào Thi & Nguyễn Thúy Quỳnh Loan	Nhà xuất bản ĐHQG-HCM	2004
23.	Hành vi tổ chức trong kinh doanh	Giáo trình hành vi tổ chức	Bùi Anh Tuấn chủ biên	Thống kê	2003
24.	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Vận tải và giao nhận trong ngoại thương	PGS. TS. Nguyễn Hồng Đàm	NXB Giao thông vận tải	2003
25.	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Nghiệp vụ giao nhận vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Phạm Mạnh Hiền	Thống kê	2007
26.	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	TS. Hoàng Vĩnh Long	Nhà xuất bản	2008

				ĐHQG-HCM	
27.	Kinh tế đối ngoại	Quan hệ kinh tế quốc tế	GS.TS Võ Thanh Thu	NXB Thống kê	2008
28.	Thẩm định và Quản trị DADT	Thẩm định dự án	Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright.	Chương trình Fulbright.	(2000-2001)
29.	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế đối ngoại VN	PGS. TS. Nguyễn Văn Trinh (chủ biên)	Nhà xuất bản ĐHQG-HCM	2008
30.	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	GS. TS. Hoàng Thị Chinh	NXB Thống kê	2008
31.	Địa-chính trị thế giới	Bài giảng Địa-chính trị thế giới		Học viện CTQG, Hà nội	2000
32.	Quan hệ quốc tế	Bài giảng Nhập môn Quan hệ quốc tế	Hoàng Khắc Nam	ĐHKHXH & NV, Hà Nội	2006
33.	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam,	NXB CTQG, Hà Nội	2006
34.	Thương Mại Điện Tử	Tài liệu môn Thương Mại Điện Tử	Ths. Lâm Tường Thoại,	ĐHQG TP. HCM	2006
35.	Kỹ thuật nghiệp vụ Ngoại thương	Kỹ thuật Ngoại Thương	GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân	ĐH Kinh tế Tp.HCM	2004
36.	Kinh doanh quốc tế	Giáo trình kinh doanh quốc tế, Tập I, II	Nguyễn Thị Hường	NXB Thống kê	2001, 2003
37.	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh toàn cầu ngày nay	Charles W, L. Hill, (Nguyễn Đông Phong dịch)	NXB Thống kê	2002.
38.	Logistics	Quản Trị Logistics	GS.TS. Đoàn Thị Hồng	ĐH Kinh tế	2004

			Vân	Tp.HCM	
39.	Logistics	Tài liệu “Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng”	Ths. Hoàng Lâm Cường	Khoa Kinh Tế, ĐHQG-HCM	2007
40.	Đàm phán kinh doanh	Kỹ thuật đàm phán thương mại quốc tế	Nguyễn Xuân Thơm, Nguyễn Văn Hồng	ĐHQG Hà Nội	2001
41.	Đàm phán kinh doanh	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2004
42.	Nghiên cứu marketing	Nghiên cứu marketing: Marketing Research	Phan Văn Thắng	NXB Thống kê	1998
43.	Quản trị tài chính công ty ĐQG	Quản trị tài chính quốc tế	Alan C. Shapiro; Bùi Lê Hà dịch	NXB Thống kê	2005
44.	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế	GS. Đinh Xuân Trình	NXB LĐ-XH	2006
45.	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế	PGS.TS Trần Hoàng Ngân	ĐH Kinh tế Tp.HCM	2007
46.	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế	PGS.TS Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	2007
47.	Tài chính quốc tế	Giáo trình Tài chính quốc tế	Hồ Diệu, Nguyễn Văn Tiến chủ biên	NXB Thống kê	2005
48.	Quản trị nguồn nhân lực Công ty ĐQG	Quản trị nguồn nhân lực: Human Resource Management	Trần Kim Dung	Giáo dục	2002
49.	Đầu tư quốc tế	Đầu tư quốc tế	Phùng Xuân Nhạ	NXB ĐHQG Hà Nội	2001
50.	Marketing quốc tế	Marketing quốc tế	Nguyễn Đông Phong	NXB LĐ-XH	2007

15 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

TM BCN KHOA
TRƯỞNG KHOA

NGUYỄN CHÍ HẢI

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN TIẾN DŨNG